

7. Chính sách hoàn phí

Thời điểm yêu cầu hoàn phí	Tỉ lệ hoàn phí	Số tiền (KRW)	Ghi chú
Trước khi thi kiểm tra trình độ	100%	1,400,000	
Trước khi khóa học bắt đầu	90%	1,260,000	• Phí tuyển sinh không được hoàn lại.
Trong vòng một tuần sau khi khóa học bắt đầu	70%	980,000	• Số tiền hoàn lại sẽ được tính dựa trên học phí của kỳ đầu tiên.
Sau một tuần kể từ khi khóa học bắt đầu	Không hoàn phí	-	

8. Các thông tin khác

1) Thời khóa biểu

Tiết học	Thời gian	
1	09:00 ~ 09:50	
2	10:00 ~ 10:50	• Tùy theo tình hình của mỗi học kỳ mà có thể mở thêm lớp học buổi chiều
3	11:10 ~ 12:00	
4	12:10 ~ 13:00	

2) Học bổng





Phân loại	Thời gian	Ghi chú
Học bổng cho học sinh xuất sắc nhất khóa học	1,000,000 KRW	Đứng nhất toàn khóa học
Học bổng cho học sinh giỏi nhất mỗi lớp	500,000 KRW	Đứng nhất từng lớp học
Học bổng cho học sinh có làm việc cho trường	200,000 KRW	
Học bổng đặc biệt	Giảm giá 20% học phí	Dành cho học sinh đại học/ cao học của trường Ajou

3) Dịch vụ đón tại sân bay

- Chỉ nhận đón học sinh vào các ngày trong tuần ( từ thứ hai đến thứ sáu ) từ 11 giờ sáng đến 4 giờ chiều.
  - Học sinh có thể đăng ký dịch vụ đón sân bay khi đăng ký nhập học hoặc đăng ký 3 ngày trước khi nhập cảnh vào Hàn Quốc. Học sinh cần gửi vé máy bay qua email [koli@ajou.ac.kr](mailto:koli@ajou.ac.kr)
  - Phí đón sân bay là 50,000 KRW.
- ※ Tùy vào tình hình mà nhà trường có thể nhận đón học sinh tại sân bay hay không.

8. Liên lạc / vị trí

Địa chỉ : 16499 Yulgok Hall Rm312 Ajou University OIA, Worldcup Rd 206, Yeongtong District, Suwon Si(city), Gyeonggido(province), Republic of Korea

-  Số điện thoại : 82-31-219-3599
-  Mail : [koli@ajou.ac.kr](mailto:koli@ajou.ac.kr)
-  FAX : 82-31-219-2924
-  [www.cie.ajou.ac.kr](http://www.cie.ajou.ac.kr)



WeChat



KakaoTalk



2019 아주대학교

GIỚI THIỆU KHÓA HỌC TIẾNG HÀN  
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC AJOU

## 1. Điều kiện đăng ký

- Học sinh tốt nghiệp cấp 3 trở lên hoặc học sinh có học lực tương ứng.

## 2. Quy trình đăng ký



## 3. Kế hoạch tuyển sinh năm 2019

Học kỳ	Hạn chót đăng ký		Kiểm tra trình độ đầu vào	Giới thiệu định hướng	Khóa học bắt đầu	Khóa học kết thúc
	Ở nước ngoài	Ở Hàn Quốc				
Mùa xuân	2019.01.04 (Thứ 6)	2019.01.31 (Thứ 5)	2019.02.25 (Thứ 2)	2019.02.28 (Thứ 5)	2019.03.04 (Thứ 2)	2019.05.10 (Thứ 6)
Mùa hè	2019.03.29 (Thứ 6)	2019.04.30 (Thứ 3)	2019.05.27 (Thứ j)	2019.05.31 (Thứ 6)	2019.06.03 (Thứ 2)	2019.08.09 (Thứ 6)
Mùa thu	2019.06.28 (Thứ 6)	2019.07.31 (Thứ 4)	2019.08.26 (Thứ 2)	2019.08.30 (Thứ 6)	2019.09.02 (Thứ 2)	2019.11.08 (Thứ 6)
Mùa đông	2019.09.30 (Thứ 6)	2019.10.31 (Thứ 5)	2019.11.25 (Thứ 2)	2019.12.02 (Thứ 2)	2019.12.02 (Thứ 2)	2020.02.07 (Thứ 6)

- \* Đối với học sinh đang cư trú tại Hàn Quốc, yêu cầu phải có thẻ đăng ký người nước ngoài hợp pháp.
- \* Kết quả sẽ được thông báo riêng cho từng học sinh.
- \* Kế hoạch nêu trên có thể thay đổi tùy theo tình hình.

## 4. Hồ sơ đăng ký

1) Trường hợp học sinh phải đăng ký VISA học ngôn ngữ (D-4) thông qua nhà trường

STT	Hồ sơ đăng ký	Ghi chú
1	Đơn đăng ký	http://cie.ajou.ac.kr/cie/board/down.jsp
2	2 hình thẻ	3.5 x 4.5cm (loại nền trắng, dùng cho hộ chiếu)
3	Bảng tốt nghiệp học lực cao nhất	<ul style="list-style-type: none"><li>Một bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc cấp 3, hoặc bằng cấp tương ứng.</li><li>Bảng tốt nghiệp cần phải được dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Hàn</li><li>Đối với các quốc gia được chỉ định , chọn một trong 3 phương pháp bên dưới:<ul style="list-style-type: none"><li>① Công chứng Apostille</li><li>② Công chứng lãnh sự Hàn Quốc</li><li>③ Công chứng của bộ giáo dục Trung Quốc (www.cdggc.edu.cn / www.cis.or.kr )</li></ul></li><li>Các quốc gia được chỉ định : China, Philippines, Indonesia, Bangladesh, Vietnam, Mongolia, Thailand, Pakistan, Sri Lanka, India, Myanmar, Nepal, Iran, Uzbekistan, Ukraine, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Nigeria, Ghana, Egypt, Peru, Guinea, Mali, Ethiopia, Uganda, Cameroon</li></ul>
4	Bảng điểm	<ul style="list-style-type: none"><li>Bảng điểm cần phải có đầy đủ điểm số môn học của từng lớp.</li><li>Bảng điểm cần phải được dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Hàn</li></ul>
5	Hộ khẩu hoặc giấy khai sinh	<ul style="list-style-type: none"><li>Hộ khẩu hoặc giấy khai sinh tùy theo từng quốc gia. (Phải bao gồm các thành viên trong gia đình)</li><li>Đối với Trung Quốc (Chọn một trong hai phương pháp bên dưới)<ul style="list-style-type: none"><li>① Giấy chứng nhận quan hệ gia đình</li><li>② Giấy đăng ký hộ gia đình cho tất cả các thành viên trong gia đình (Dịch thật công chứng)</li></ul></li><li>※ Nộp giấy chứng nhận trong trường hợp bố mẹ ly hôn hoặc qua đời</li><li>Uzbekistan<ul style="list-style-type: none"><li>① Chứng nhận Apostille</li><li>② Chứng nhận lãnh sự Hàn Quốc</li></ul></li><li>Trường hợp học sinh có người thân đang sống tại Hàn Quốc<ul style="list-style-type: none"><li>① Nộp bản sao thẻ người nước ngoài của người đang sống tại Hàn Quốc đó. (Cả mặt trước và mặt sau)</li></ul></li></ul>
6	Bản gốc giấy xác nhận số dư ngân hàng bằng tiếng Anh	<ul style="list-style-type: none"><li>* Giấy xác nhận số dư trên 10,000 USD được cấp bởi chính ngân hàng.</li><li>* Giấy chứng nhận phải được cấp trong vòng một tháng gần nhất</li><li>* Các quốc gia được chỉ định: nộp giấy chứng minh thu nhập hoặc chứng minh công việc nghề nghiệp của bố mẹ (Bản dịch tiếng Anh)</li></ul>
7	Hộ chiếu	* Một bản sao hộ chiếu trang có hình của học sinh

- \* **Chú ý**
- Việc nhập học sẽ bị hủy cho dù hồ sơ đã được chấm đầu nếu hồ sơ nhập học bị phát hiện khai gian / làm giả.
- Trừ các quốc gia được chỉ định, học sinh từ các nước khác phải tuân thủ việc nộp thêm hồ sơ học vấn khi cần thiết.
- Học sinh không thể đăng ký visa nếu có người cư trú bất hợp pháp trong gia đình học sinh đó và việc nhập học sẽ bị hủy cho dù hồ sơ đã được chấm đầu.

2) Trường hợp học sinh đang sống tại Hàn Quốc với visa hợp lệ khác với visa D-4

STT	Hồ sơ đăng ký	Ghi chú
1	Đơn đăng ký	http://cie.ajou.ac.kr/cie/board/down.jsp
2	2 hình thẻ	3.5 x 4.5cm (loại nền trắng, dùng cho hộ chiếu)
3	Bảng tốt nghiệp học lực cao nhất	Một bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc cấp 3, hoặc bằng cấp tương ứng.
4	Hộ chiếu	Một bản sao hộ chiếu trang có hình của học sinh
5	Thẻ người nước ngoài	Một bản sao mặt trước và mặt sau thẻ người nước ngoài

## 5. Học phí

Loại chi phí	Số tiền (KRW)	Ghi chú	Tài khoản
Học phí	1,400,000	• 1 học kỳ (10 tuần)	Ngân hàng SC : 632-15-001056 Chủ tài khoản: 아주대 한국어 • Khi chuyển khoản phải ghi tên người chuyển khoản bằng tiếng Anh. • Sau khi đóng tiền tại ngân hàng, giữ lại biên lai đóng tiền để nộp.
Phí tuyển sinh	60,000	• Không hoàn lại • Chỉ nộp kỳ đầu tiên	
Bảo hiểm	65,000	• Thời hạn : 6 tháng	
Dịch vụ đón tại sân bay	50,000	• Chỉ áp dụng cho học sinh đăng ký dịch vụ	

\* **Chú ý** : Học sinh phải chịu phí chuyển khoản tùy theo mức phí của từng ngân hàng. Sai lệch về tỷ giá có thể xem xét trả sau đó.

## 6. Ký túc xá

Loại phòng	Giai đoạn	Số tiền (KRW)	Ghi chú
Phòng 2 giường	Một học kỳ	931,000 ~ 1,216,000	Nghỉ hè, nghỉ đông
	Kỳ nghỉ (8 tuần)	545,000 ~ 720,000	
Phòng 4 giường	Một học kỳ	631,000	Nghỉ hè, nghỉ đông
	Kỳ nghỉ (8 tuần)	415,000	

- \* **Chú ý!**
- Số tiền này là tiêu chuẩn năm 2019. Có thể thay đổi.
- Vào kỳ nghỉ hè và nghỉ đông, phải ở bên ngoài 3 tuần sau đó mới chuyển vào ở ký túc xá theo lịch của ký túc xá.